Chi tiết mã HS 8512.20.99

Mã HS	8512.20.99
Mô tả hàng hóa	Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu hoạt động bằng điện (trừ loại thuộc nhóm 85.39), gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp hoặc xe có động cơ / - Thiết bị chiếu sáng hoặc tạo tín hiệu trực quan khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	06/11/2026 03:04:42
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85122099/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15227
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15227
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15227
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AANZFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	17.5	17,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	24	24%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	24	24%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AC!E14531
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14472
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14472
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14472
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14472
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14472
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14472
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	25	AJ!E14526
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	25	AJ!F14526
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	25	AJ!G14526

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	25	AJ!H14526
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	25	AJ!I14526
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	25	AJ!J14526
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14527
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14527
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14527
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14527
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14527
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14527
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		24	AK!F14530
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AANZ!H14478
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F14486
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G14486
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H14486
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I14486
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J14486
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K14486
VKFTA	2022	2022	24	VK!E14517
VKFTA	2023	2023	24	VK!F14517
VKFTA	2024	2024	24	VK!G14517
VKFTA	2025	2025	24	VK!H14517
VKFTA	2026	2026	24	VK!I14517
VKFTA	2027	2027	24	VK!J14517
VCFTA	2022	2022	5	VC!D14572
VCFTA	2023	2023	2	VC!E14572
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14572

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14572
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14572
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14572
VN-EAEU	2022	2022	6,8	EAV!D14549
VN-EAEU	2023	2023	4,5	EAV!E14549
VN-EAEU	2024	2024	2,3	EAV!F14549
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14549
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14549
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14549
AHKFTA	2022	2022	25	AKH!D14549
AHKFTA	2023	2023	25	AKH!E14549
AHKFTA	2024	2024	25	AKH!F14549
AHKFTA	2025	2025	25	AKH!G14549
AHKFTA	2026	2026	25	AKH!H14549
AHKFTA	2027	2027	25	AKH!I14549
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D14564
EVFTA	2023	2023	8,3	EV-NK!E14564
EVFTA	2024	2024	4,1	EV-NK!F14564
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14564
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14564
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14564
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D14563
UKVFTA	2023	2023	8,3	UKV!E14563
UKVFTA	2024	2024	4,1	UKV!F14563
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14563
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14563

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14563
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	8,3	CPTPP!D14556
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	4,1	CPTPP!E14556
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14556
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14556
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14556
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14556
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14556
RCEP A	2022	2022	25	RCEPT-A!D14551
RCEP A	2023	2023	25	RCEPT-A!E14551
RCEP A	2024	2024	25	RCEPT-A!F14551
RCEP A	2025	2025	25	RCEPT-A!G14551
RCEP A	2026	2026	25	RCEPT-A!H14551
RCEP A	2027	2027	25	RCEPT-A!I14551
RCEP B	2022	2022	25	B!D14551
RCEP B	2023	2023	25	B!E14551
RCEP B	2024	2024	25	B!F14551
RCEP B	2025	2025	25	B!G14551
RCEP B	2026	2026	25	B!H14551
RCEP B	2027	2027	25	B!I14551
RCEP C	2022	2022	25	C!D14551
RCEP C	2023	2023	25	C!E14551
RCEP C	2024	2024	25	C!F14551
RCEP C	2025	2025	25	C!G14551
RCEP C	2026	2026	25	C!H14551
RCEP C	2027	2027	25	C!I14551

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	25	D!D14550
RCEP D	2023	2023	25	D!E14550
RCEP D	2024	2024	25	D!F14550
RCEP D	2025	2025	25	D!G14550
RCEP D	2026	2026	25	D!H14550
RCEP D	2027	2027	25	D!I14550
RCEP E	2022	2022	25	E!D14554
RCEP E	2023	2023	25	E!E14554
RCEP E	2024	2024	25	E!F14554
RCEP E	2025	2025	25	E!G14554
RCEP E	2026	2026	25	E!H14554
RCEP E	2027	2027	25	E!I14554
RCEP F	2022	2022	25	F!D14551
RCEP F	2023	2023	25	F!E14551
RCEP F	2024	2024	25	F!F14551
RCEP F	2025	2025	25	F!G14551
RCEP F	2026	2026	25	F!H14551
RCEP F	2027	2027	25	F!I14551
VIFTA	2024	2024	22.5	VI!F13541
VIFTA	2025	2025	20	VI!G13541
VIFTA	2026	2026	17.5	VI!H13541
VIFTA	2027	2027	15	VI!I13541

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 25%, AJCEP 25%, RCEP (Phụ lục A) 25%, RCEP (Phụ lục B) 25%, RCEP (Phụ lục C) 25%, RCEP (Phụ lục D) 25%, RCEP (Phụ lục E) 25%, RCEP (Phụ lục F) 25%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (25%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 25%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8512.20 có 3 dòng thuế; dòng 8512.20.99 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8512.20.20 Thiết bị chiếu sáng hoặc tạo tín hiệu trực quan chưa lắp ráp; 8512.20.91 Dùng cho xe máy	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8512.20.99 có mã Chương 98 tương ứng 9849.30.20 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- - - Loại khác	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8512.20.99. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 8512.20.99 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15227), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.